**MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 11**

**TUẦN 18 (23/5 – 28/5/ 2022) – THÁNG 5**

**I. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP (HS ĐỌC SGK, TÀI LIỆU THAM KHẢO)**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài: Ôn tập phần Tiếng Việt – Làm văn** | **A. ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**  **B. ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN** |
| **Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.** | - HS nghiên cứu SGK Ngữ Văn lớp 11 (Tập 2) - **Bài:** **Ôn tập phần Tiếng Việt – Ôn tập phần Làm văn**  Nếu không có SGK, HS tham khảo nội dung kiến thức trọng tâm đính kèm.  - HS trả lời các câu hỏi:  1/ Củng cố, hệ thống hóa những kiến thức về Tiếng Việt đã học từ đầu năm học.  2/ Nội dung chủ yếu của chương trình Làm văn lớp 11.  3/ Cách lập luận và vận dụng các thao tác lập luận.  4/ Cách tóm tắt một văn bản nghị luận, viết tiểu sử tóm tắt và bản tin. |
| **Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.** | - Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học; Hoàn thành bài tập củng cố. |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**A. ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**1.** - **Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội** **vì:**

+ Trong thành phần ngôn ngữ có yếu tố chung cho tất cả cá nhân trong cộng đồng. Đó là: các âm, các thanh. Các âm tiết kết hợp với các thanh theo quy tắc nhất định, các từ và ngữ cố định.

+ Tính chung còn thể hiện ở quy tắc, phương thức chung sử dụng các đơn vị ngôn ngữ: quy tắc cấu tạo câu, phương thức chuyển nghĩa của từ, các quy tắc và phương thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách.

- **Lời nói là sản phẩm của cá nhân vì:**

+ Giọng nói cá nhân. Tuy dùng các âm, các thanh chung, nhưng mỗi người lại thể hiện chất giọng khác nhau

+ Vốn từ ngữ cá nhân. Cá nhân ưa và quen dùng từ ngữ nhất định

+ Từ ngữ các nhân phụ thuộc vào tâm lí, lứa tuổi.

+ Cá nhân có sự chuyển đổi sáng tạo từ ngữ, tạo từ mới, vận dụng sáng tạo các quy tắc, phương thức chung.

**2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân**

Mối quan hệ hai chiều: Ngôn ngữ chung của xã hội là cơ sở để sản sinh và lĩnh hội lời nói cá nhân. Ngược lại, trong lời nói cá nhân vừa có phần biểu hiện của ngôn ngữ chung, vừa có những nét riêng. Hơn nữa, cá nhân có thể sáng tạo, góp phần làm biến đổi và phát triển ngôn ngữ chung.

**3. Khái niệm ngữ cảnh**

Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc vận dụng từ ngữ và tạo lập lời nói, làm căn cứ để lĩnh hội được nội dung, ý nghĩa của lời nói.

**4. Nghĩa của câu**

*\* Nghĩa sự việc:* Là nghĩa tương ứng với sự việc được đề cập đến trong câu. Biểu hiện:

+ Câu biểu hiện hành động

+ Câu biểu hiện trạng thái, tính chất.

+ Câu biểu hiện quá trình

+ Câu biểu hiện tư thế

+ Câu biểu hiện sự tồn tại

+ Câu biểu hiện quan hệ

*\* Nghĩa tình thái:* Là thái độ, sự đánh giá của người nói với sự việc. Biểu hiện:

+ Khẳng định tính chân thực

+ Phỏng đoán sự việc

+ Đánh giá về mức độ hay số lượng

+ Đánh giá sự việc có thực, hay không có thực

+ Đánh giá sự việc đã xảy ra hay chưa xảy ra

+ Khẳng định khả năng sự việc

+ Là tình cảm của người nói đối với người nghe, tình cảm thân mật, gần gũi

+ Thái độ kính cẩn

+ Thái độ bực tức, hách dịch.

**5. Đặc điểm loại hình của Tiếng Việt**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm loại hình của tiếng Việt*** | ***Ví dụ minh hoạ*** |
| 1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp | 1. “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông”. |
| 2. Từ không biến đổi hình thái | 2. “Con ngựa đá con ngựa đá”. |
| 3. Ý nghĩa ngữ pháp là ở chỗ sắp đặt từ và cách dùng hư từ | 3. - Tôi ăn cơm.  - Ăn cơm cùng tôi.  - Tôi đang ăn cơm. |

**6. Phong cách ngôn ngữ báo chí và phong cách ngôn ngữ chính luận**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Phong cách***  ***ngôn ngữ báo chí*** | ***Phong cách***  ***ngôn ngữ chính luận*** |
| ***1. Các phương tiện diễn đạt:***  +Từ vựng (phong phú) cho từng loại  +Ngữ pháp: câu đa dạng, ngắn gọn  +Biện pháp tu từ: không hạn chế  ***2. Đặc trưng cơ bản:***  +Tính thông tin, thời sự  +Tính ngắn gọn  +Tính sinh động | +Từ ngữ chung, lớp từ chính trị  +Ngữ pháp: câu chuẩn mực  +Biện pháp tu từ: sử dụng nhiều  +Tính công khai về quan điểm chính trị  +Tính chặt chẽ trong diễn đạt suy luận  +Tính truyền cảm, thuyết phục |

**B. ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN**

**1. Thống kê, phân loại và hệ thống hóa các bài học phần Làm văn trong SGK Ngữ Văn 11**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THAO TÁC** | **NỘI DUNG BÀI HỌC** | **YÊU CẦU VÀ CÁCH LÀM** |
| SO SÁNH | So sánh để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều đối tượng | - Đặt đối tượng so sánh trên cùng một bình diện. - Đánh giá trên cùng một tiêu chí.  - Nêu rõ quan điểm của người viết. |
| PHÂN TÍCH | Chia tách, tháo gỡ một vấn đề ra thành những vấn đề nhỏ, để chỉ ra bản chất của chúng. | - Phân tích để thấy được bản chất sự vật, sự việc.  - Phân tích phải đi liền với tổng hợp |
| BÁC BỎ | Dùng lí lẽ, dẫn chứng để phê phán, gạt bỏ những quan điểm và ý kiến sai lệch. Từ đó nêu ý kiến đúng, thuyết phục người đọc, người nghe. | - Bác bỏ luận điểm, luận cứ  - Phân tích chỉ ra cái sai  - Diễn đạt rành mạch, rõ ràng. |
| BÌNH LUẬN | Đề xuất ý kiến thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với nhận xét đánh giá của mình về đời sống hoặc văn học. | - Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề bàn luận  - Đề xuất được những ý kiến đúng  - Nêu ý nghĩa, tác dụng của vấn đề. |
| TÓM TẮT  VĂN BẢN  NGHỊ LUẬN | Trình bày ngắn gọn, nội dung của văn bản gốc theo một mục đích nào đó | - Đọc kĩ văn bản gốc. Lựa chọn ý phù hợp với mục đích tóm tắt.  - Tìm cách diễn đạt lại luận điểm. |
| VIẾT  TIỂU SỬ TÓM TẮT | Văn bản chính xác cụ thể về cuộc đời, sự nghiệp và quá trình sống của người được giới thiệu | - Nguồn gốc  - Quá trình sống  - Sự nghiệp  - Những đóng góp |

**2. Yêu cầu và cách thức tóm tắt văn bản nghị luận**

**- Yêu cầu:**

+ Văn bản tóm tắt phải phản ánh trung thành các tư tưởng, luận điểm của văn bản gốc, không được xuyên tạc hoặc tự ý thêm những điểm không có trong văn bản gốc.

+ Diễn đạt ngắn gọn, súc tích, loại bỏ những thông tin không phù hợp với mục đích tóm tắt.

**- Cách tóm tắt văn bản nghị luận**

+ Đọc kĩ văn bản gốc.

+ Dựa vào nhan đề, phần ở đầu và kết thúc để lựa chọn những ý, những chi tiết phù hợp với mục đích tóm tắt.

+ Đọc từng đoạn trong phần triển khai để nắm được các luận điểm và luận cứ làm sáng tỏ cho chúng.

+ Tìm cách diễn đạt lại các luận điểm, luận cứ một cách mạch lạc.

+ Kiểm tra lại kết quả phần tóm tắt.

**3. Yêu cầu và cách thức viết tiểu sử tóm tắt và bản tin**

**- Yêu cầu viết tiểu sử tóm tắt:**

+ Thông tin một cách khách quan, chính xác về người được nói tới: ghi cụ thể, chính xác những số liệu, mốc thời gian, thành tích, đóng góp nổi bật.

+ Nội dung và độ dài của văn bản cần phù hợp với mục đích viết tiểu sử tóm tắt.

**- Cách thức viết tiểu sử tóm tắt:**

+ Giới thiệu khái quát về nhân thân (họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, gia đình, trình độ học vấn…)

+ Hoạt động xã hội của người được viết tiểu sử: làm gì, ở đâu, mối quan hệ với mọi người…

+ Những đóng góp, thành tựu tiêu biểu: chính trị, xã hôi, nghệ thuật.

+ Đánh giá chung

**- Yêu cầu viết bản tin:**

+ Đảm bảo tính thời sự.

+ Tin phải có ý nghĩa xã hội.

+ Nội dung phải chân thực, chính xác.

**- Cách thức viết bản tin:**

***a. Đặt tiêu đề***

+ Tiêu đề (tên) của bản tin phải đảm bảo tính khái quát nội dung của bản tin.

+ Có thể chọn cách diễn đạt đặc biệt gây hứng thú, sự tò mò cho người đọc (Dạng câu hỏi, cách chơi chữ, có thể là một câu, một từ, …)

+ Bản tin thường đặt tiêu đề ngắn gọn, một cụm từ (thường là cụm động từ hoặc danh từ). Tiêu đề cũng có thể là một câu trần thuật, câu nghi vấn ngắn gọn.

***b. Cách mở đầu bản tin:***Thông báo khái quát về sự kiện và kết quả.

***c. Cách triển khai chi tiết bản tin***

+ Cụ thể, chi tiết các sự kiện được đưa tin

+ Giải thích nguyên nhân, kết quả của các sự kiện

**III. BÀI TẬP CỦNG CỐ (HS THỰC HÀNH)**

**1/** Phân tích mối quan hệ hai chiều giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân thể hiện qua việc sử dụng ngôn ngữ để sáng tạo nên hình tượng bà Tú trong bài *Thương vợ* của Tú Xương.

**2/** Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được sáng tác trong bối cảnh thế nào? Phân tích một số chi tiết cho thấy sự chi phối của ngữ cảnh đối với nội dung và hình thức của câu văn trong bài văn tế.

**3/** Khi phân tích nội dung câu cách ngôn *“Thất bại là mẹ thành công”*, anh (chị) bắt đầu phân tích từ đâu? Dựa trên những cơ sở nào và sử dụng những ví dụ có thật nào để làm sáng tỏ?

**GỢI Ý LÀM BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**1/** Trong bài *Thương vợ*, Tú Xương đã sử dụng nhiều yếu tố chung và quy tắc chung của ngôn ngữ toàn dân:

- Các từ trong bài thơ đều là ngôn ngữ chung

- Các thành ngữ của ngôn ngữ chung: một duyên hai nợ, năm nắng mười mưa

- Các quy tắc kết hợp từ ngữ

- Các quy tắc cấu tạo câu: câu tường thuật tỉnh lược chủ ngữ và các kiểu câu cảm thán ở câu thơ cuối

Phần cá nhân trong lời nói thể hiện ở:

- Lựa chọn từ ngữ

- Sắp xếp từ ngữ

**2/** Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được sáng tác trong bối cảnh trận tập kích đồn quân Pháp ở Cần Giuộc đêm 14/12/ 1861 trong trận đó có nhiều nghĩa sĩ hi sinh. Nghĩa sĩ giết được hai tên quan Pháp, một số lính thuộc địa của chúng, làm chủ đồn hai ngày rồi bị phản công và thất bại.

Ngữ cảnh này được tái hiện trong nội dung:

- *Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu hai quan nọ*

- *Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh, bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ*

**3/** - Phân tích lí do có thể nói:*“Thất bại là mẹ thành công*”

+ Trải qua thất bại

+ Biết rút ra bài học kinh nghiệm

- Chứng minh tính đúng đắn của câu danh ngôn bằng các dẫn chứng cụ thể trong đời sống hiện thực qua các dẫn chứng thực tế: nhà bác học Thomas Edison trải qua nhiều lần thất bại mới có thể chế tạo bóng đèn thành công

Bác bỏ:

- Sợ thất bại nên không dám làm gì.

- Bi quan chán nản khi gặp thất bại.

- Không biết rút ra bài học khi gặp thất bại.